Ký bởi:UBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 14/10/2021 10:55:06

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35 /2021/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 14 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 ngày 4 tháng 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Quy định về số lượng cấp phó các chi cục, phòng, ban, đơn vị.**

1. Đối với chi cục thuộc sở:

a) Số lượng phó Chi cục trưởng thuộc sở: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2014/NĐ-CP)* được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2020/NĐ-CP)*.

b) Số lượng Phó trưởng phòng của Chi cục thuộc sở: Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

2. Đối với phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

3. Đối với thanh tra sở: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

4. Đối với văn phòng sở: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

5. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Đối với số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh được bố trí không quá 03 người trên một đơn vị; các đơn vị khác được thực hiện theo Đề án thành lập *(trong trường hợp thành lập mới)* hoặc Đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

- Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh được bố trí không quá 03 người trên một đơn vị.

- Số lượng cấp phó của các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; đơn vị sự nghiệp thuộc Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố được bố trí không quá 03 cấp phó.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

- Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh có từ 20 người làm việc là viên chức trở xuống được bố trí không quá 02 cấp phó; có trên 20 người làm việc là viên chức được bố trí không quá 03 cấp phó.

- Số lượng cấp phó của các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; đơn vị sự nghiệp thuộc Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố được bố trí không quá 02 cấp phó.

7. Đối với số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng, khoa, đội *(sau đây gọi chung là phòng)* thuộc đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Số lượng cấp phó thực hiện theo Đề án thành lập *(trong trường hợp thành lập mới)* hoặc Đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được bố trí không quá 02 cấp phó;

c) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Có từ 07 đến 09 người làm việc là viên chức được bố trí 01 cấp phó; có từ 10 người làm việc là viên chức trở lên được bố trí không quá 02 cấp phó."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Khung tiêu chuẩn

1. Về chính trị tư tưởng:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân; có ý thức đấu tranh bảo vệ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao, năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật:

a) Không quan liêu, vụ lợi; không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa";

b) Có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, yêu thương đồng nghiệp; không bè phái, lợi ích nhóm;

c) Có khả năng đoàn kết, tập hợp, phát huy sức mạnh của tập thể, xây dựng khối đoàn kết nội bộ;

d) Công bằng, chính trực, khách quan, công tâm, dân chủ; không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi;

đ) Gương mẫu về đạo đức, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Trung thực, không cơ hội, được cán bộ, công chức, viên chức cơ quan tín nhiệm.

3. Về năng lực và uy tín:

a) Có tư duy đổi mới và phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc;

b) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực công tác để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực hoặc địa bàn công tác được phân công;

c) Có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý; có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, chuyên đề thuộc lĩnh vực công tác được phân công và đề xuất các giải pháp triển khai công việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả;

d) Có năng lực quản lý, điều hành; có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

4. Về trình độ:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên theo chuyên ngành, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí bổ nhiệm;

b) Có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 và khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy định này;

c) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng hoặc tương đương trở lên đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 và khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy định này;

d) Có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

5. Về tuổi bổ nhiệm:

a) Tuổi bổ nhiệm lần đầu hoặc bổ nhiệm chức vụ cao hơn: Trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc các sở; trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ *(ít nhất 60 tháng, tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm)*. Tuổi của công chức, viên chức được xác định theo tuổi khai trong hồ sơ lý lịch công chức, viên chức và phù hợp với các văn bằng, chứng chỉ liên quan;

b) Trường hợp công chức, viên chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc không bổ nhiệm lại, sau một thời gian công tác nếu được xem xét để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo thì điều kiện về tuổi bổ nhiệm thực hiện như quy định khi bổ nhiệm lần đầu.

6. Về kinh nghiệm công tác:

a) Đối với nguồn nhân sự tại chỗ phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác về ngành, lĩnh vực chuyên môn được bổ nhiệm;

b) Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác phải có bằng chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công tác đảm nhiệm.

7. Về một số tiêu chuẩn khác:

a) Phải được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm *(áp dụng đối với nguồn nhân sự tại chỗ)* hoặc được quy hoạch vào chức vụ tương đương với chức vụ bổ nhiệm *(áp dụng đối với nguồn nhân sự từ nơi khác)*;

b) Đã bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên. Riêng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học phải đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với giáo viên mầm non hạng II, giáo viên tiểu học hạng III trở lên;

c) Đối với nhân sự bổ nhiệm lần đầu hoặc bổ nhiệm chức vụ cao hơn phải được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 năm liên tục gần nhất. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và của pháp luật; không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

d) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao theo kết luận của cơ sở y tế có thẩm quyền từ cấp huyện và tương đương trở lên;

đ) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân được xác minh, có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định."

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ khoản 5, Điều 7 của Quy định số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Các nội dung khác của Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng không thay đổi./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ;
- Như Điều 2;
- Báo Lâm Đồng; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư Lưu trữ;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TKCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Văn Hiệp